

Bản án số: 08/2023/HNGĐ - ST.

Ngày: 15/3/2023.

V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN U MINH THƯỢNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Cẩm Loan

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Trần Văn Tám

2/ Ông Lê Thanh Nhã

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Út Sang – Thư ký Tòa án nhân dân huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang:
Ông Trần Ngọc Nhiều, Kiểm sát viên.

Trong ngày 15 tháng 3 năm 2023, tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện U Minh Thượng xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 162/2022/TLST-HNGĐ, ngày 17 tháng 10 năm 2022 về việc “ Tranh chấp ly hôn, nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2023/QĐXXST-HNGĐ, ngày 30 tháng 01 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 02/2023/QĐST-HNGĐ, ngày 17 tháng 02 năm 2023, giữa các đương sự:

1/ Nguyên đơn: Bà Lê Thị L, sinh năm 1992.

Nơi ĐKKHKT: Ấp C, xã M, huyện T, tỉnh Kiên Giang.

Chỗ ở hiện nay: Ấp A, xã M, huyện T, tỉnh Kiên Giang. (có mặt)

2/ Bị đơn: Ông Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1989.

Địa chỉ: Ấp C, xã M, huyện T, tỉnh Kiên Giang. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo đơn khởi kiện vụ án hôn nhân đề ngày 21 tháng 6 năm 2022 nguyên đơn bà Lê Thị L (sau đây gọi tắt là bà L) trình bày:

- Về hôn nhân: Bà L và ông Nguyễn Văn Đ (sau đây gọi tắt là ông Đ) đăng ký kết hôn với nhau vào ngày 07/01/2014 tại UBND xã M, huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang. Vợ chồng chung sống với nhau được 07 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng luôn bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi nhau không thể hàn gắn tiếp tục chung sống với nhau được nữa nên ông bà đã ly thân với

nhau từ tháng 02 năm 2022 cho đến nay. Nay bà L yêu cầu ly hôn với ông Đ.

- Về con chung: Vợ chồng chung sống với nhau có 02 người con chung tên Nguyễn Phú V, sinh ngày 28/9/2014, giới tính nam và Nguyễn Ngọc Kim T, sinh ngày 08/11/2016, giới tính nữ hiện các con chung đang sống với ông Đ. Nay bà L đồng ý giao con chung cho ông Đ trực tiếp nuôi dưỡng, bà L không cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Bị đơn ông Nguyễn Văn Đ đã được Tòa án triệu tập nhiều lần để hòa giải và xét xử nhưng vẫn vắng mặt không có lý do chính đáng nên không có lời trình bày.

3. Tài liệu chứng cứ do các đương sự cung cấp và Tòa án thu thập được như sau: Giấy trích lục kết hôn (bản sao), 01 bản tự khai, 02 giấy khai sinh (bản sao), biên bản xác nhận tình trạng hôn nhân và nguyên nhân mâu thuẫn.

Tại phiên tòa, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Phát biểu của đại diện Viện kiểm sát: Về thủ tục tố tụng từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử sơ thẩm Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị HĐXX, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị L, cho bà L ly hôn với ông Đ, giao hai con chung cho ông Đ trực tiếp nuôi dưỡng, bà L không cấp dưỡng nuôi con; Tài sản chung và nợ chung không yêu cầu nên đề nghị HĐXX không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn ông Nguyễn Văn Đ được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia xét xử nhưng ông Đ vắng mặt không có lý do. Bị đơn ông Đ không có yêu cầu phản tố. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, Tòa án xét xử vắng mặt đối với ông Nguyễn Văn Đ.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà L và ông Đ đăng ký kết hôn với nhau vào ngày 07/01/2014 tại UBND xã M, huyện T, tỉnh Kiên Giang. Vợ chồng chung sống với nhau được 07 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng luôn bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi nhau không thể hàn gắn tiếp tục chung sống với nhau được nữa nên ông bà đã ly thân với nhau từ tháng 02 năm 2022 cho đến nay. Trong quá trình sống ly thân bà L và ông Đ không có biện pháp hàn gắn tiếp tục chung sống với nhau, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài. Nay bà L yêu cầu ly hôn với ông Đ căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình là có cơ sở.

[3] Về con chung: Bà L và ông Đ chung sống với nhau có 02 người con chung tên Nguyễn Phú V, sinh ngày 28/9/2014, giới tính nam và Nguyễn Ngọc Kim T, sinh ngày 08/11/2016, giới tính nữ hiện con chung đang sống với ông Đ. Theo yêu cầu

của bà L là giao hai con chung cho ông Đ trực tiếp nuôi dưỡng phù hợp với nguyện vọng của con chung tên Nguyễn Phú V là được sống với ông Đ. HĐXX giao con chung tên Nguyễn Phú V, sinh ngày 28/9/2014, giới tính nam và Nguyễn Ngọc Kim T, sinh ngày 08/11/2016, giới tính nữ cho ông Đ trực tiếp nuôi dưỡng.

Bà L có quyền trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không ai có quyền cản trở theo quy định tại Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về cấp dưỡng: Bà L đang sống nhờ nhà cha mẹ ruột hiện tại chưa có thu nhập ổn định nên HĐXX xem xét không buộc bà L phải cấp dưỡng nuôi con.

[4] Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Hội đồng xét xử không xem xét.

Trường hợp phát sinh tranh chấp về tài sản chung và nợ chung trong thời kỳ hôn nhân sẽ được xem xét giải quyết bằng vụ kiện khác.

[6] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Lê Thị L phải chịu án phí là 300.000 đồng được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ theo biên lai thu số 0003385, ngày 10/10/2022 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện U Minh Thượng. Bà L đã nộp xong.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 266, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng Điều 56, 81, 82 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTHVQH14, ngày 30.12.2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Cho bà Lê Thị L được ly hôn với ông Nguyễn Văn Đ.

2. Về con chung: Giao con chung tên Nguyễn Phú V, sinh ngày 28/9/2014, giới tính nam và Nguyễn Ngọc Kim T, sinh ngày 08/11/2016, giới tính nữ cho ông Đ trực tiếp nuôi dưỡng. Bà L không phải cấp dưỡng nuôi con.

Bà L có quyền trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không ai có quyền cản trở.

3. Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trường hợp phát sinh tranh chấp về tài sản chung và nợ chung trong thời kỳ hôn nhân sẽ được xem xét giải quyết bằng vụ kiện khác.

4. Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Lê Thị L phải chịu án phí là 300.000 đồng được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ theo biên lai

thu số 0003385, ngày 10/10/2022 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện U Minh Thượng. Bà L đã nộp xong.

Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”.

Nơi nhận

- Tòa án ND tỉnh KG;
- VKS ND huyện UMT;
- Chi cục THA huyện UMT;
- UBND xã nơi đăng ký kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu hs.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Cẩm Loan